TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày: 23 - 03 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Vũ Hữu Hưởng, ông Hà Chí Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Dũng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 -Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Cầm Thị H; tên gọi khác: Không; sinh năm 1977 tại xã P, tỉnh Sơn La; số định danh cá nhân: 014177xxxxxx; nơi cư trú: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cầm Văn T, sinh năm 1955 và bà Cầm Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có chồng là Lò Văn C, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn – Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/11/2025 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa: Ông Lường Văn Bình – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Fanci – Chi nhánh Thăng Long. Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng bản Nhụng Trên, xã Phiêng Cằm, tỉnh Sơn La. Do ông Lò Văn Hanh – Trưởng bản là người đại diện. Có mặt.

* Người phiên dịch: Anh Tòng Văn Dấu, sinh năm 1980; số định danh cá nhân: 014080008704; nơi cư trú: Bản Nhụng Dưới, xã Phiềng Cằm, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2025, Cầm Thị H thấy việc trồng cây cà phê đem lại hiệu quả kinh tế, nên nảy sinh ý định chặt phá rừng Huổi Muông, thuộc bản Nhụng Trên, xã Chiềng Nơi (*Rừng nhà nước giao cho cộng đồng dân cư bản Nhụng Trên quản lý giáp đất nương của gia đình Cầm Thị H*) để trồng cà phê. H sử dụng 01

con dao quắm chặt hạ cây tre, cây gỗ và cây bụi tại khu rừng Huổi Muông trong khoảng 02 tuần. Sang tháng 03/2025 thì H đến đốt, dọn cây khô sau đó đào hố để trồng cây cà phê.

Ngày 26/5/2025, Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã Chiềng Nơi, tỉnh Sơn La (*Nay là xã Phiêng Cằm, tỉnh Sơn La*) tuần tra, phát hiện khu rừng Huổi Muông, thuộc bản Nhụng Trên, xã Phiêng Cằm. Cùng ngày Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn đã phối hợp với chính quyền địa phương đến hiện trường kiểm tra, đo đạc diện tích rừng bị chặt phá và xác minh đối tượng chặt phá rừng.

Ngày 04/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định:

- Diện tích rừng bị chặt phá là 6.845m^2;

- Vị trí khu rừng bị chặt phá:

+ Khu rừng bị chặt phá thuộc lô i, khoảnh 2, tiểu khu 320, loại rừng phòng hộ. Theo hồ sơ giao đất, giao rừng năm 2003 của UBND huyện Mai Sơn, thì cộng đồng bản Nhụng Trên, xã Chiềng Nơi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là chủ thể được giao quản lý, bảo vệ.

+ Theo kết quả rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La, thì khu rừng bị chặt phá thuộc lô 15, khoảnh 2, tiểu khu 320, loại rừng sản xuất; số cây gỗ bị chặt phá là 160 cây, số cây tre bị chặt phá là 140 cây; khối lượng cây gỗ bị chặt phá còn lại tại hiện trường là 0,512$m^{3.}$

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 06-20258/KL/GĐCN ngày 12/11/2025 của Hạt kiểm lâm khu vực VI, Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La, kết luận:

1. Diện tích thiệt hại: Diện tích vị trí rừng do đối tượng Cầm Thị H chặt phá là 6.845m^2.

2. Xác định vị trí, loại rừng:

- Theo dữ liệu bản đồ giao đất, giao rừng xã Chiềng Nơi năm 2003:

+ Vị trí: Khu vực vi phạm nằm trong lô i, khoảnh 2, tiểu khu 230;

+ Loại rừng: Rừng phòng hộ.

- Theo bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La:

+ Vị trí: Vị trí vi phạm nằm trong lô 15 (Lô rs), khoảnh 2, tiểu khu 230;

+ Loại rừng: Rừng sản xuất;

- Khu vực vi phạm chưa được cấp có thẩm quyền quyết định về việc chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất.

3. Trạng thái rừng: Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa núi đất (Ký hiệu HG).

4. Chủ rừng: Diện tích vi phạm được Nhà nước giao cho cộng đồng bản Nhụng Trên, xã Chiềng Nơi (Nay là xã Phiêng Cằm) quản lý, bảo vệ.

5. Xác định phương pháp đo khối lượng lâm sản và nhóm gỗ:

- Phương pháp đo lâm sản là phù hợp quy định của pháp luật.

- Nhóm gỗ: Không xác định được do gốc cây đã bị đốt cháy đen.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐ ĐGTS ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La, kết luận: Tổng giá trị rừng bị thiệt hại là 3.223.465 VNĐ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng*).

Vật chứng thu giữ:

- 01 con dao quắm, chiều dài 51cm, lưỡi dao 23cm, chuôi làm bằng gỗ dài 28cm. Đã qua sử dụng;

- 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ. Đã qua sử dụng;

- 01 chiếc lưỡi cuốc có chiều dài lưỡi 20cm, bản cuốc chỗ rộng nhất 15,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/02/2026 bị can Cầm Thị H đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.224.000 VNĐ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La để bồi thường khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra bị can Cầm Thị H đã khai nhận hành vi chặt phá 6.845m^2 rừng sản xuất tại khu vực Huổi Muông, thuộc bản Nhụng Trên, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La như đã nêu.

Cáo trạng số: 45/CT – VKSKV4 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La, đề nghị truy tố bị can Cầm Thị H về tội: Hủy hoại rừng, theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La giữ quan điểm truy tố bị cáo Cầm Thị H về tội: Hủy hoại rừng, theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Cầm Thị H phạm tội Hủy hoại rừng và xử phạt bị cáo từ 20 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập, theo quy định tại khoản 4 Điều 243 và khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo bồi thường cho nhà nước số tiền 3.223.465 VNĐ. Khấu trừ vào số tiền 3.224.000 VNĐ (*Làm tròn*) bị cáo tự nguyện giao nộp, theo biên lai thu số 0000090 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm; 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ; 01 chiếc lưỡi cuốc. Bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Miễn cho bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Cầm Thị H có ý kiến: Thừa nhận tháng 01/2025 đã thực hiện hành vi chặt phá 6.845m^2 rừng sản xuất tại khu vực Huổi Muông, thuộc bản Nhụng Trên, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La, với mục đích lấy đất trồng cây cà phê. Nay bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xem xét việc bị cáo thành khẩn khai nhận tội; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; động cơ phạm tội vì muốn có đất canh tác nuôi bản thân và gia đình mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa – Luật sư Lường Văn Bình có ý kiến: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, tình tiết giảm nhẹ (*Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự*) đối với bị cáo. Tuy nhiên do bị cáo là phụ nữ không biết chữ, sống ở vùng đặc biệt khó khăn hạn chế hiểu biết pháp luật nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội do lạc hậu*" quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Để xét xử bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Nguyên đơn dân sự - Cộng đồng bản Nhụng Trên do ông Lò Văn Hanh là người đại diện có ý kiến: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Sơn La về việc buộc bị cáo bồi thường cho nhà nước toàn bộ thiệt hại đối với diện tích rừng bị hủy hoại theo kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐ ĐGTS ngày 02/12/2025 là 3.223.465 VNĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là VKSND khu vực 4 - Sơn La), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo theo Cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Cầm Thị H khai nhận: Khoảng tháng 01/2025 do thấy việc trồng cây cà phê đem lại hiệu quả kinh tế cao, nên nảy sinh ý định chặt phá rừng để trồng cà phê. Quá trình chặt phá rừng bị cáo dùng 01 con dao quắm chặt phá 6.845m^2 rừng sản xuất tại khu vực Huổi Muông, thuộc bản Nhụng Trên, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Khối lượng lâm sản thực tế bị cáo bị chặt phá là 0,512m^3 (160 cây gỗ, 140 cây tre), theo kết quả định giá là 3.223.465 VNĐ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ; Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp; Kết định giá đối với lâm sản bị chặt phá đối với lâm sản bị hủy hoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Cầm Thị H đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015. Như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với tình tiết diện tích rừng bị cáo chặt phá chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất không loại trừ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bởi theo công văn liên ngành số 01/LN-CQCSĐT-VKS-TA ngày 18/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, thống nhất áp dụng: "*Khách thể của tội Hủy hoại rừng (Điều 243 BLHS) là trật tự quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*". Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ diện tích rừng chặt phá theo Quyết định số: 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La là rừng sản xuất.

[4] Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Tội huỷ hoại rừng.

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a, ….

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng".

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi chặt phá 6.845m^2 rừng sản xuất của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài nguyên rừng và đất rừng; xâm phạm đến môi trường sinh thái, đe doa gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Trong vụ án bị cáo phạm tội với lỗi cố ý và thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng chế tài hình phạt tương xứng với tích chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Với mục đích trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực quản lý nhà nước đối với tài sản là tài nguyên rừng và đất rừng.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng bị áp dụng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận tội; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Ngoài ra xét hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là để lấy đất canh tác để nuôi sống bản thân và gia đình. Do đó cần xem xét áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội do lạc hậu*" quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX xét thấy là không có căn cứ chấp nhận, bởi bị cáo buộc phải biết mọi hành vi chặt phá rừng khi chưa được nhà nước trao quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật.

[8] Về hình phạt áp dụng: Xét bị cáo là phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[9] Đối với hình phạt bổ sung và biện pháp khấu trừ thu nhập quy định tại khoản 4 Điều 243, khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào biên bản xác minh xác định bị cáo không có thu nhập ổn định cũng như tài sản thi hành. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước (Tài nguyên rừng). Nên số tiền 3.224.000 VNĐ bị cáo giao nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La được tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước, theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số vật chứng gồm: 01 con dao quắm, 01 chiếc bật lửa ga và 01 chiếc lưỡi cuốc. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn nhiều giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; để tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số gỗ còn lại sau khi bị cáo dọn đốt tại hiện trường (*6.845m^2 rừng sản xuất*). Ngày 27/5/2025 Hạt kiểm lâm huyện Mai Sơn đã bàn giao cho UBND xã Chiềng Nơi (Nay là UBND xã Phiêng Cằm) quản lý để tự phân hủy làm phân bón cho rừng tái sinh. Xét là phù hợp với thực tế nên được chấp nhận

[12] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Tuyên bố bị cáo Cầm Thị H phạm tội Hủy hoại rừng.

- Xử phạt bị cáo Cầm Thị H 20 (*Hai mươi*) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Cầm Thị H cho UBND xã Phiêng Cằm, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Phiêng Cằm trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo bồi thường cho nhà nước giá trị lâm sản thiệt hại là 3.223.465 VNĐ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng*). Được khấu trừ vào số tiền 3.224.000 VNĐ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn đồng*) bị cáo tự nguyện giao nộp ngày 10/02/2026, theo biên lai thu số 0000090 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm; 01 chiếc bật lửa ga và 01 chiếc lưỡi cuốc.

Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 41/BB-CCTHADS ngày 24/02/2026, giữa Công an tỉnh Sơn La và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Sơn La.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Miễn cho bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Báo cho bị cáo và nguyên đơn dân sự biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/3/2026).

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- VKSND khu vực 4 (02 bản);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Sơn La;
- Phòng PC 10 CA tỉnh Sơn La;
- Phòng THA dân sự khu vực 4;
- Bị cáo; Nguyên đơn DS;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kỳ Việt